

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/11/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Minh Sửu;
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn.

- T ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - T ký tòa án ND huyện Thọ Xuân.

- Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 đều của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D - Sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã T. H, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Bị đơn: Anh Doãn Cao C - Sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn Xuân Lai, xã Xuân Hưng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

**** Về quan hệ hôn nhân:***

- Nguyên đơn, chị D trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày ý kiến:

Chị và anh C lấy nhau do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. H, huyện Thọ Xuân vào ngày 27/9/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc khoảng gần hai năm thì không còn hạnh phúc. Nguyên nhân, do anh C không quan tâm đến vợ con, vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm. Chị đã đưa con về bên ngoại ở và vợ chồng sống ly thân mấy tháng nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- *Bị đơn, anh C trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa trình bày ý kiến:*

Sau khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án, anh C đến Tòa án làm việc, nhận thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án và cũng không đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Khi xét xử, anh C có mặt tại phiên Tòa và nêu rằng, những lời trình bày của chị D là không đúng sự thật. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh, anh đồng ý.

* *Về con chung:* Chị D và anh C xác nhận có 01 con chung là cháu Doãn Anh T, sinh ngày 10/10/2019.

- Ý kiến chị D: Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Anh T. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của anh C: Anh đồng ý giao con là Doãn Anh T, sinh ngày 10/10/2019 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nay đến khi con đủ 18 tuổi. Anh C không cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản và công nợ:* Vợ chồng chị D, anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con. Bị đơn, anh C có địa chỉ tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị D và anh C kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã T. H, huyện Thọ Xuân vào ngày 27/9/2018. Nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Doãn Cao C là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của hai bên đương sự thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm và thực tế vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ nhiều tháng nay, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Như vậy, hôn nhân giữa chị D và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh C, tại phiên Tòa anh C đồng ý ly hôn chị D. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D.

[3]. Về con chung: Chị D và anh C xác nhận có 01 con chung là cháu Doãn Anh T, sinh ngày 10/10/2019.

Xét nguyện vọng, đề nghị của chị D, thực tế cuộc sống của hai bên và căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử giao cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Doãn Anh T, sinh ngày 10/10/2019, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị D, anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị D được ly hôn anh Doãn Cao C.

Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã T. H, huyện Thọ Xuân ký ngày 27/9/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con cái:* Giao cháu Doãn Anh T, sinh ngày 10/10/2019 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng:* Anh Doãn Cao C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2019/0006153 ngày 31/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, chị D đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự đều có mặt tại phiên Tòa có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng